THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			4x4 2.8 Diesel AT	4x2 2.7 Gas AT	4x2 2.4 Diesel AT	4x2 2.4 Diesel MT
KÍCH THƯỚC & TRỌNG LƯỢNG/ DIMENSION & WEIGHT						
Kích thước tổng thể/ Overall Dimension	Dài x Rộng x Cao/ L x W x H	mm	4795 x 1855 x 1835			
Chiều dài cơ sở/ Wheelbase		mm	2745			
Chiều rộng cơ sở (Trước/Sau)/ Tread (Front/Rear)		mm	1545/1550			
Khoảng sáng gầm xe/ Ground clearance		mm	219			
Góc thoát (trước/ sau) /(Approach/ Departure) Angle			29/25			
Bán kính vòng quay tối thiểu/ Min. turning radius		m	5.8			
Trọng lượng không tải/ Kerb weight		kg	2105	1875	1995	1980
Trọng lượng toàn tải/ Gross weight		kg	2750	2500	2605	
ĐỘNG CƠ & VẬN HÀNH/ ENGINE & PERFORMANCE						
Động cơ/ Engine			1GD-FTV, DOHC, 4 xy lanh, thẳng hàng	2TR-FE, DOHC, 4 xy lanh, thẳng hàng	2GD-FTV, DOHC, 4 xy lanh, thẳng hàng	
Dung tích bình nhiên liệu/ Fuel Tank Capacity		L	80			
Dung tích xy lanh/ Displacement		cc	2755	2694	2393	
Tỉ số nén/ Compression ratio			15.6	10.2	15.6	
Công suất tối đa/ Max output		kw(hp) @ rpm	130 (174)/3400	122 (164)/5200	110 (148)/3400	
Mô men xoắn tối đa/ Max torque		Nm @ rpm	450/2400	245/4000	400/1600-2000	
Tốc độ tối đa/ Max Speed		km/h	180	175	170	160
Hệ thống truyền động/ Drivetrain			Dẫn động hai cầu/4WD	Dẫn động cầu sau/RWD		
Hộp số/ Transmission Type			Hộp số tự động 6 cấp/6 AT			Hộp số tay 6 cấp/6 MT
Hệ thống treo/ Suspension	Trước/ Front		Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng/Double wishbone with torsion bar			
	Sau/ Rear		Phụ thuộc, liên kết 4 điểm/Four links with torsion bar			
Trợ lực tay lái/ Power Steering Type			Thủy lực/Hydraulic			
Loại vành xe/ Type			Mâm đúc/Alloy			
Kích thước lốp/ Size			265/60R18	265/65R17		
Phanh/ Brake	Trước/ Front		Đĩa tản nhiệt/Ventilated disc			
	Sau/ Rear		Đĩa/Disc			
Tiêu chuẩn khí thải/ Emission standard			Euro 4			
Tiêu thụ nhiên liệu/ Fuel Consumption	Kết hợp/ Combine	Lít/100 km	8.7	10.7	7.49	7.2
	Trong đô thị/ City	Lít/100 km	11.4	13.6	9.05	8.7
	Ngoài đô thị/ Highway	Lít/100 km	7.2	9.1	6.57	6.2
NGOẠI THẤT/ EXTERIOR						
Cụm đèn trước/ Headlamp	Đèn chiếu gần/ Lo-beam		LED dạng bóng chiếu/LED Projector	Halogen dạng bóng chiếu/Halogen Projector		
	Đèn chiếu xa/ Hi-beam		LED dạng bóng chiếu/LED Projector	Halogen dạng bóng chiếu/Halogen Projector		
Đèn chiếu sáng ban ngày/ DRL (Daytime running light)			LED	Không có/Without		
Hệ thống điều khiển đèn tự động/ Auto light control			Có/With		Không có/Without	
Hệ thống cân bằng góc chiếu/ Headlamp leveling system			Tự động/ Auto (ALS)	Chỉnh tay/Manual		
Chế độ đèn chờ dẫn đường/ Follow me home			Có/With		Không có/Without	
Cụm đèn sau/ Taillamp			LED			
Đèn báo phanh trên cao/ Highmounted stop lamp			LED			
Đèn sương mù trước/ Front foglamp			Có/With			
Gương chiếu hậu ngoài/ Outer mirror	Chức năng điều chỉnh điện/ Power adjust		Có/With			
	Chức năng gập điện/ Power fold		Có/With			
	Tích hợp đèn báo rẽ/ Turn signal lamp		Có & đèn chào mừng/ With & welcome lamp	Có/With		
	Màu/ Body Color		Cùng màu thân xe/Colored			
Gạt mưa gián đoạn/ Intermittent windshield wiper			Gián đoạn, điều chỉnh thời gian/Intermittent & Time adjustment			
Chức năng sấy kính sau/ Rear glass heater			Có/With			
Tay nắm cửa ngoài/ Outer door handle			Mạ crôm/Chrome plating			Cùng màu thân xe/Colored
Cánh hướng gió sau/ Rear spoiler			Có/With			
Chắn bùn/ Mud guard			Có (Trước/sau)/ With (FR+RR)			
NỘI THẤT/ INTERIOR						
Tay lái/ Steering wheel	Loại tay lái/ Type		3 chấu/3-spoke			
	Chất liệu/ Material		Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc/Leather, wood, silver ornamentation			Urethane
	Nút bấm điều khiển tích hợp/ Steering switch		Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay/Audio swich, MID, hands-free phone			
	Điều chỉnh/ Adjust		Chỉnh tay 4 hướng, khóa điện/ Manual tilt & telescopic, electric lock		Chỉnh tay 4 hướng, khóa cơ/ Manual tilt & telescopic, manual lock	
	Lẫy chuyển số/ Paddle shifter		Có/With			Không có/Without
	Trợ lực lái/ Power steering		Thủy lực/ PS			
Gương chiếu hậu trong/ Inner mirror			2 chế độ ngày và đêm/Day & Night			
Ốp trang trí nội thất/ Trim package	Ốp cửa/ Door trim ornament		Ốp da, viền mạ bạc/Leather + Silver			Ốp nỉ, viền màu đen/ Fabric Black
	Ốp bảng điều khiển trung tâm/ I/P Center Cluster		Ốp vân gỗ mạ bạc/ Wooden + Silver			Ốp nhựa màu đen/ Black
Tay nắm cửa trong/ Inner door handle			Mạ crôm/Chrome plating			
Cụm đồng hồ/ Instrument cluster			Optitron			Analog
Đèn báo chế độ Eco/ Eco indicator			Có/With			
Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu/ Fuel consumption meter			Có/With			
Chức năng báo vị trí cần số/ Shift position indicator			Có/With			Không có/Without
Màn hình hiển thị đa thông tin/ MID(Multi information display)			Màn hình màu TFT/ Color TFT			Màn hình đơn sắc/ Monochrome dot
Chất liệu bọc ghế/ Material			Da/ Leather			Nỉ/ Fabric
Ghế trước/ Front	Loại ghế/ Type		Thể thao/ Sport			
	Điều chỉnh ghế lái/ Driver's seat		Chỉnh điện 8 hướng/ 8 ways power			Chỉnh tay 6 hướng/ 6 ways manual
	Điều chỉnh ghế hành khách/ Front passenger's seat		Chỉnh tay 4 hướng/ 4 ways manual			
Hàng ghế thứ hai/ 2nd-row			Gập lưng ghế 60:40 1 chạm, chỉnh cơ 4 hướng/60:40 split fold, manual slide & reclining			
Hàng ghế thứ ba/ 3rd row			Ngã lưng ghế, gập 50:50 sang 2 bên/Manual reclining, 50:50 tumble space up			
Tựa tay hàng ghế thứ hai/ Rear armrest			Có, kết hợp khay để ly /With (Cup holder *2)			
TIỆN ÍCH/ CONVIENCE						
Hệ thống điều hòa/ Air conditioner			Tự động, 2 giàn lạnh/Auto, dual cooler		Chỉnh tay, 2 giàn lạnh/Manual, dual cooler	
Cửa gió sau/ Rear air duct			Có/With			
Hệ thống âm thanh/ Audio	Đầu đĩa/ Head unit		DVD			CD
	Số loa/ Number of speaker		6			
Màn hình/ Display			Cảm ứng 7 inches/ 7 inches touchscreen			Không có/Without
Cổng kết nối AUX			Có/With			
Cổng kết nối USB			Có/With			
Kết nối Bluetooth			Có/With			
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm/ Smart key & push start			Có/With		Không có/Without	
Chức năng mở cửa thông minh/ Smart entry			Có/With		Không có/Without	
Chức năng khóa cửa từ xa/ Wireless Door Lock			Có/With			
Cửa sổ điều chỉnh điện/ Power window			Có (1 chạm và chống kẹt tất cả các cửa)/ With (Auto & Jam protection for All)		Có (1 chạm và chống kẹt ghế lái)/With (Driver)	
Cốp điều khiển điện/ Power back trunk			Có/With	Không có/Without		
Hệ thống kiểm soát hành trình/ Cruise control			Có/With		Không có/Without	
Chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu/ Eco drive mode			Có/With			
Hệ thống báo động/ Alarm			Có/With			
Hệ thống mã hóa khóa động cơ/ Immobilizer			Có/With			
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG/ ACTIVE SAFETY						
Hệ thống chống bó cứng phanh/ ABS			Có/With			
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp/ BA(Brake Assist)			Có/With			
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử/ EBD (Emergency Brake Distribution)			Có/With			
Hệ thống ổn định thân xe/ VSC(Vehicle Stability Control)			Có/With			
Hệ thống kiểm soát lực kéo/ TRC(Traction control)			Có (A-TRC)	Có/With		
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc/ HAC(Hill Start Assist control)			Có/With			
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo/ DAC (Downhill Assist Control)			Có/With	Không có/Without		
Đèn báo phanh khẩn cấp/ EBS(Emergency brake signal)			Có/With			
Camera lùi/ Back camera			Có/With		Không có/Without	
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe/ Sensor			Có/With			
AN TOÀN THỤ ĐỘNG/ PASSIVE SAFETY						
Túi khí người lái & hành khách phía trước/ Front airbags			Có/With			
Túi khí bên hông phía trước/ Front side airbags			Có/With			
Túi khí rèm/ Curtain shield			Có/With			
Túi khí đầu gối người lái/ Driver's knee airbags			Có/With			
Khung xe GOA/ GOA Frame			Có/With			
Dây đai an toàn/ Seat belt			3 điểm ELR, 7 vị trí/ 3 Point ELR x7			
Ghế có cấu trúc giảm chấn thương cổ/ WIL (Whiplash injury lessening)			Có/With			

Công ty Ô tô Toyota Việt Nam được quyền thay đổi bất kỳ đặc tính kỹ thuật nào mà không báo trước. Hình ảnh xe và một số đặc tính kỹ thuật có thể hơi khác so với thực tế.
Toyota Motor Vietnam reserves the right to alter any details of specifications and equipment without prior notice. Vehicles pictured and specifications detailed in this leaflet may vary from the actual ones.

ĐƯỜNG DÂY NÓNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG
CUSTOMER SERVICE HOTLINE

Hotline: 1800.1524
Mobile: 0916 001 524
Email: tmv_cs@toyotavn.com.vn

VAY TỪ TOYOTA, MUA XE TOYOTA. Xin vui lòng liên hệ:
- Công ty Tài chính Toyota Việt Nam:
  Tel: 028 39110199 - Fax: 028 39110113
  www.toyotafinancial.com.vn | info@toyotafinancial.com.vn
- Hệ thống Đại lý ủy quyền Toyota trên toàn quốc

TOYOTA FINANCIAL SERVICES | TÍN DỤNG MUA XE





Mỗi khi FORTUNER lướt qua là một lần cuốn theo những ánh nhìn ngưỡng mộ với dáng vẻ mạnh mẽ nhưng vẫn đậm chất hào hoa.



Cụm đèn trước LED



Cụm đèn sau LED



Mâm xe R18



Không gian nội thất hoàn toàn mới với vẻ sang trọng, mạnh mẽ và tinh tế. Thiết kế mới với bảng táp lô cứng cáp, nội thất bọc da, ốp gỗ, mạ bạc, mạ crom tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ, để chủ sở hữu cảm nhận được sự thoải mái và sang trọng tối ưu.



Hệ thống âm thanh 6 loa



Màn hình DVD cảm ứng

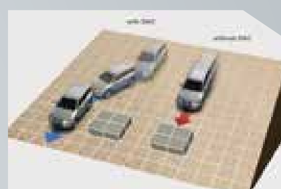


Cửa sau điều khiển điện



Gài cầu điện - Khóa vi sai sau

Vận hành mạnh mẽ mà vẫn tiện nghi và dễ sử dụng. Tính năng khóa vi sai cầu sau giúp chinh phục với những địa hình khó khăn.



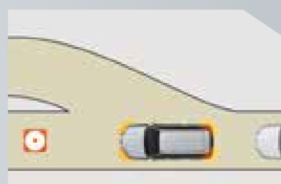
Hệ thống hỗ trợ xuống dốc DAC

Hỗ trợ trong các tình huống xuống dốc, đặc biệt trong các địa hình khó.



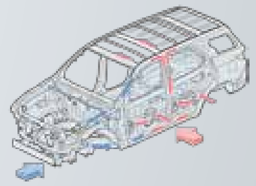
Hệ thống khởi hành ngang dốc HAC

Khi người lái chuyển từ chân ga sang chân phanh để khởi hành ngang dốc, hệ thống HAC sẽ giúp chiếc xe không bị trôi dốc và dễ dàng khởi hành hơn.



Tín hiệu nháy đèn khẩn cấp khi phanh gấp EBS

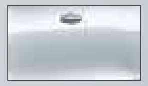
Đèn cảnh báo nguy hiểm tự động nháy sáng khi phanh gấp, giúp cảnh báo các xe phía sau.



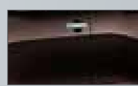
Khung xe GOA

Khung xe có cấu trúc các vùng co rụm phía trước và sau, cùng các thanh tăng cứng bên sườn xe.

MÀU XE



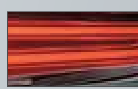
TRẮNG 070



NÂU 4W9



ĐEN 218



BẠC 1D6



XÁM 1G3